

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/DS-PT
Ngày: 07 - 5 - 2020
Về việc “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải

Bà Lâm Ngọc Phượng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 57/2020/TLPT-DS ngày 06/02/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/DS-ST, ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện TT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 83/2020/QĐ-PT ngày 19/3/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1990; nơi cư trú: Số 310, ấp LH, xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lưu Q, sinh năm: 1984; nơi cư trú: Khóm ĐT 2, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 07/8/2019 của Văn phòng Công chứng Lục Văn Tiến (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm: 1989; nơi cư trú: Tổ 02, ấp ST, xã CT, huyện TT, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Thái Thị Diễm T, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Số 10/4 LHP, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang, theo Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2019 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kiều T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/4/2019 với các tài liệu kèm theo của nguyên đơn cũng như quá trình tố tụng tại tòa, Ông Nguyễn Lưu Q – đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Nguyên trước đây Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Thị Kiều T là bạn bè thân thiết, trong thời gian đó ông Đ nhờ T cho mượn giấy chứng minh và sổ hộ khẩu của T để Đ mua xe SH Ytaly 150i biển số 59T2 – 08044 của một người ở Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi mua xe xong, Đ sử dụng khoảng 01 tháng thì T thấy thích, nên Đ bán lại cho T. Ngày bán là 26/11/2018, khi bán có làm giấy tay không ghi ngày tháng, giá bán 175.000.000 đồng, T trả được 13.000.000 đồng, còn lại 162.000.000 đồng.

Do thời gian Đ bán xe cho T cũng là thời gian Đ nhờ người ở huyện LV, tỉnh ĐT làm thủ tục chuyển tên từ người ở Thành phố Hồ Chí Minh sang cho T, nên khi sang tên chuyển vùng từ biển số 59T2 – 08044 sang biển số 67N1 – 34747 T đứng tên thuộc sở hữu của T luôn mà không phải chuyển tên từ người ở Thành phố Hồ Chí Minh cho Đ và từ Đ sang lại cho T, nhưng phần tiền 162.000.000 đồng đến nay T không trả, nên Đ yêu cầu T phải trả ngay cùng lãi suất chậm trả, kể từ ngày thụ lý 02/7/2019 đến khi xét xử.

Bà Thái Thị Diễm T – đại diện theo ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

Thừa nhận là năm 2018 T có ký “Tờ mua bán”, không ghi ngày tháng với nội dung: T mua 01 chiếc xe SH 150i Ytaly của Đ giá 175.000.000 đồng, có đưa trước 13.000.000 đồng, còn lại 162.000.000 đồng. Tuy nhiên, bản chất sự việc là do T với Đ có quan hệ bạn bè rất thân thiết. Trong thời gian quen thân, T có đưa tiền cho Đ và Đ mua 01 chiếc xe SH 150i Ytaly giá 175.000.000 đồng, toàn bộ giấy tờ mua bán cũng như hồ sơ đăng ký xe, chuyển vùng... là do T đứng tên.

Sau khi mua xe thì Đ sử dụng mà không giao cho T. Đến khoảng tháng 10 - 11/2018 thì quan hệ giữa hai người rạn nứt, lúc này T đòi Đ trả xe, nhưng Đ không trả. T đòi xiết thì Đ buộc T phải ký “Tờ mua bán” Đ mới giao xe cho T. Vì thế khó, nên buộc lòng T ký “Tờ mua bán”. Do việc mua bán xe giữa T với Đ không có thật, tiền mua xe là do T xuất ra, nên với yêu cầu của Đ là T không đồng ý.

Giai đoạn hòa giải hai bên thống nhất, ngày 26/11/2018 bà T ký “Tờ mua bán” 01 chiếc xe SH 150i Ytaly với Đ giá 175.000.000 đồng có đưa trước 13.000.000 đồng, còn lại 162.000.000 đồng, nhưng không thống nhất trả nợ cho ông Đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm 34/2019/DS-ST, ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện TT đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Thành Đ.

Buộc Bà Nguyễn Thị Kiều T có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Thành Đ 166.050.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 8.302.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT hoàn trả cho ông Nguyễn Thành Đ 4.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0012017 ngày 27/6/2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/10/2019 Bà Nguyễn Thị Kiều T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án về phần nội dung lẫn phần tố tụng để đảm bảo thi hành phần dân sự của bản án hình sự trước đây.

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt bị đơn là người kháng cáo, Bà Thái Thị Diễm T đại diện cho bị đơn có gửi văn bản trình bày ý kiến ngày 06/5/2020 với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm không công nhận giấy mua bán xe là một giao dịch dân sự mua bán xe vì xe đã đứng tên bà T, bà T không có trách nhiệm trả tiền cho ông Đ, yêu cầu bác đơn khởi kiện của ông Đ.

Phản tranh luận: Do vắng mặt các đương sự nên không có phản tranh luận

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Ông Đ và bà T đều thừa nhận có ký tên vào tờ mua bán không ghi thời gian, bà T cho rằng có đưa tiền cho ông Đ để mua xe nhưng không được ông Đ thừa nhận, bà T không có chứng cứ chứng minh. Bà T không thừa nhận có mua bán xe với ông Đ và cho rằng việc ký tên vào tờ mua bán là do bị ép buộc là không có cơ sở. Cấp sơ thẩm buộc bà T trả cho ông Đ 162.000.000 đồng và lãi suất là có căn cứ, bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm, bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Xét kháng cáo của bà T:

Xét thấy: Bà T không thừa nhận có hợp đồng mua bán xe với ông Đ nhưng thừa nhận có ký tên vào tờ mua bán không ghi ngày tháng năm do ông Đ viết. Tại phiên tòa sơ thẩm các bên đều thống nhất ngày ký tên vào tờ mua bán là ngày 26/11/2018, nội dung tờ mua bán là ông Đ có bán cho bà T một chiếc xe SH150i Ý với giá 175.000.000 đồng, đưa trước 13.000.000 đồng, còn thiếu lại 162.000.000 đồng. Bà T cho rằng bà không mua xe của ông Đ, mà thực chất chiếc xe trên do bà T đưa tiền cho ông Đ mua, sau khi mua thì ông Đ sử dụng xe, nhưng lời khai của bà T không được ông Đ thừa nhận, bà T cũng không có chứng cứ chứng minh. Bà T khai khi yêu cầu ông Đ trả xe thì bị ông Đ ép buộc nên bà mới ký tên vào tờ mua bán là không có cơ sở. Hơn nữa bà T đã đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe, nếu là tài sản hợp pháp của bà T thì không có lý do gì bà T lại ký tên vào tờ mua bán trong đó thể hiện cụ thể số tiền mua bán xe, số tiền bà T đã trả trước cho ông Đ và số tiền còn thiếu lại.

Từ những nhận định trên có cơ sở xác định bà T và ông Đ có xác lập hợp đồng mua bán chiếc xe SH Ytaly 150i với giá 175.000.000 đồng vào ngày 26/11/2018, bà T đã trả 13.000.000 đồng, còn thiếu lại 162.000.000 đồng chưa thanh toán. Việc xác lập hợp đồng mua bán tài sản của các bên hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, bà T đã vi phạm thỏa thuận, vì vậy ông Đ khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền 162.000.000 đồng và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ từ khi khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm là có cơ sở, cấp sơ thẩm buộc bà T phải trả cho ông Đ 166.050.000 đồng là phù hợp. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì vậy giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TT.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Kiều T.

Tuyên xử:

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST, ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện TT:

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành Đ 166.050.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 8.302.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT hoàn trả cho ông Nguyễn Thành Đ 4.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0012017 ngày 27/6/2019.

Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0012229 ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phượng